

LĐ VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/05/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+RC3	7:25	22+0	0+0		15+7	0+0	
2		TD5+BK5+BK3	7:25	20+2+0	0+0+0		17+0+3	0+0+0	
3		P4+CTK3+RP3	9:25	2+11+8	0+0+0		2+1+15	0+0+0	
4		TD1+TD5-GTC1	9:25	7+15+1	0+0		7+12+1	0+0	
5		JS2+P4+P1	11:25	4+11+7	0+0+0		0+10+6	0+0+0	

TTĐĐSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/P8, TTC2, TTC3, BK9, P11 VÀ THEO TÀU EXPRESS

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/05/2019	TO: TD3 - RC3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VĂN HÂN	TD3	51	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG HOÀ	TD3	48-49	2	20		68	KHOAN	Vietnamese
3	ĐINH CHÍ CÔNG	TD3	46	1	14		65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THẾ DŨNG	TD3	64	1	10		57	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN TUẤN ANH	TD3	58-59	2	10		80	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VĂN KHOA	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
7	VÔ VĂN DŨNG	TD3	52	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN LÊ KIẾN	TD3	56	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ DUY CHỈNH	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
10	KHUẤT QUANG KIẾN	TD3	54	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ HÙNG ANH	TD3	47	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
12	HÀ VĂN PHÚC	TD3					80	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	50	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
14	QUÁCH THẾ ANH	TD3	53	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VIỆT HỒ	TD3	62	1	14		70	DVL	Vietnamese
16	ĐỖ NGỌC DUYỀN	TD3	55	1	14		75	DVL	Vietnamese
17	LÊ PHÚ PHÚC	TD3	60	1	8		81	DVL	Vietnamese
18	LÊ VĂN THẮNG	TD3	57	1	14		68	DVL	Vietnamese
19	PHẠM VĂN Y	TD3	63	1	13		75	DVL	Vietnamese
20	CAO KINH THAO	TD3	61	1	8	30	70	T-TIN	Vietnamese
21	PHẠM HỒNG THAI	TD3	65	1	10	20	72	T-TIN	Vietnamese
22	VŨ DUY PHƯƠNG	TD3	67	1	7	85	62	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	21	177	1.570	135	15		
2	RC3	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	21	177	1.570	135	22		
WEIGHT KG				177	1.570	135			

GRAND TOAL: 1.882 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/05/2019	TO: TD5 - BK5 - BK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TUYỀN - HỒI - HUỠ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA VAN DUNG	TD5	16	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
2	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	20	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN NHU Y	TD5	18	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TAN TAI	TD5	19	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
5	BAO NGUYEN LOC	TD5	17	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HOA	TD5	09	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN BA HOA	TD5	10	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN DUY DUC	TD5	05	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
9	TRINH ANH TRUONG	TD5	21	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG NHAT QUANG	TD5	13	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
11	LE VU NGOC	TD5	04	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN HANH	TD5	12	1	3		83	KHOAN	Vietnamese
13	VU THE HUNG	TD5	11	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM VAN CHAU	TD5	06	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN HUNG QUAN	TD5	14	1	8		70	D-HANH	Vietnamese
16	TRAN VAN NGHIA	TD5	24	1	10		84	DVL	Vietnamese
17	TRAN VAN THUAT	TD5	22	1	12		73	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN HUU VIET	TD5	15	1	15		61	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THU	TD5	23	1	15		68	DVL	Vietnamese
20	DO THANH HAI	TD5	07-08	2	15		66	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN KHAC THONG	BK5	17	1	5	145	70	CODIEN	Vietnamese
22	NGHIEM MINH XUAN TRUONG	BK5	16	1	11		77	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	20	21	147	1.424	0	17		
2	BK5	2	2	16	147	145	0		
3	BK3	0	0	0	0	38	3		
TOTAL		22	23	163	1.571	183	20		
WEIGHT KG				163	1.571	183			

GRAND TOAL: 1.917 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/05/2019	TO: TD1 - TD5 - GTC1	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hôi - HUY	ETA: 11:25
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZHDANOV	TD1	49	1	12		130	KHOAN	Russian
2	ĐINH QUANG CHIEN	TD1	56	1	15		74	KHOAN	Vietnamese
3	BUI THAI QUI	TD1	57	1	12		81	KHOAN	Vietnamese
4	MAI THE HIEN	TD1	52-53	2	14		96	KHOAN	Vietnamese
5	TRINH TIEN DUNG	TD1	54-55	2	15		81	SCHLUMBE	Vietnamese
6	NGUYEN HUY QUANG	TD1	51	1	15		78	DMC	Vietnamese
7	PHAN VAN TRUYEN	TD1	50	1	14		79	DMC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TIEN	TD5	25	1	7		69	DVL	Vietnamese
9	HO VAN ANH	TD5	32	1	4		76	PSV	Vietnamese
10	TRAN DUC THUAN	TD5	40	1	6		78	PSV	Vietnamese
11	ĐINH VAN THANG	TD5	35	1	3		71	PSV	Vietnamese
12	ĐINH VAN HOAI	TD5	31	1	3		64	PSV	Vietnamese
13	PHI TRUONG SON	TD5	39	1	4		66	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN LUONG SON	TD5	36-37	2	8		70	PSV	Vietnamese
15	VU DINH HOI	TD5	33	1	3	55	68	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN ĐANG NAM	TD5	34	1	8		67	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HANH	TD5	38	1	6		59	PSV	Vietnamese
18	TRAN KHAC HOP	TD5	26-27	2	10		72	DMC	Vietnamese
19	PHAM NGOC CHAU	TD5	30	1	12		65	DMC	Vietnamese
20	VUONG DUC ANH	TD5	28-29	2	10		59	DMC	Vietnamese
21	TRAN VAN HUY	GTC1	02	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	7	9	97	619	0	7		
2	TD5	13	16	84	884	55	12		
3	GTC1	1	1	12	75	0	1		
TOTAL		21	26	193	1.578	55	20		
WEIGHT KG				193	1.578	55			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/05/2019	TO: P4 - CTK3 - RP3	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 11:20
TRANG-2			

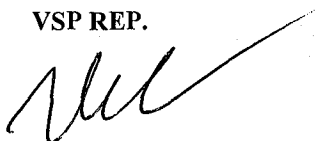
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	P4	54	1	9	30	78	KHI	Vietnamese
2	TRAN VAN NAM	P4	46	1	5		75	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TÍNH	CTK3	25	1	8	20	65	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG NGỌC ANH CHIEN	CTK3	06	1	9	27	70	XAYLAP	Vietnamese
5	PHÙNG QUANG ĐẠI	CTK3	53	1	16	23	72	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC TUẤN	CTK3	54	1	10		51	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH TÔI	CTK3	21-22	2	16		62	XAYLAP	Vietnamese
8	LƯU ĐỨC THỊNH	CTK3					70	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN ĐĂNG HUÂN	CTK3					75	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY DƯƠNG	CTK3	07-08	2	20		69	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN DŨNG	CTK3	23	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI VĂN DŨNG	CTK3	09	1	8		63	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LY	CTK3	24	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM THỊ TRƯỜNG	RP3	95	1	15	25	65	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐOÀN QUANG TRUNG	RP3	18	1	12	23	65	XAYLAP	Vietnamese
16	HOÀNG XUÂN KIẾN	RP3	97-98	2	19		66	XAYLAP	Vietnamese
17	HÀ TUẤN DŨNG	RP3	19-20	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3					70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT MINH	RP3					61	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN HAM CHUNG	RP3	99	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
21	NGÔ ĐỨC THUẬN	RP3	96	1	9		64	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	2	2	14	153	30	2		
2	CTK3	11	11	109	742	70	1		
3	RP3	8	8	85	530	48	15		
TOTAL		21	21	208	1.425	148	18		
WEIGHT KG				208	1.425	148			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/05/2019	TO: JS2 - P4 - P1	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRUÔNG - HIẾU	ETA: 13:30
DO-3			

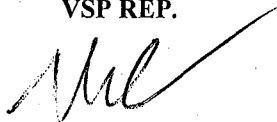
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IUKHIMCHUCK	JS2	91	1	9		81	KH-THAC	Russian
2	LAI ANH TUAN	JS2	94-95	2	15		97	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUANG VU	JS2	93	1	12		77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN AN NINH	JS2	92	1	15		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN MINH	P4	53	1	15		77	T-TIN	Vietnamese
6	DO HOA VINH	P4					80	PSV	Vietnamese
7	DOAN VAN TUYEN	P4	57	1	5		74	PSV	Vietnamese
8	LUU DINH THAI	P4	50	1	7		56	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN DONG	P4	52	1	6	45	61	PSV	Vietnamese
10	MAI CAO DINH	P4	51	1	5		58	PSV	Vietnamese
11	PHAM VAN DUAN	P4	56	1	9		75	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN HUU NHAN	P4	58	1	7		69	PSV	Vietnamese
13	HO TRONG BANG	P4	49	1	8		77	PSV	Vietnamese
14	PHAM TUAN THANH	P4	55	1	5		76	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN CONG HUNG	P4	59-62	4	15		63	NHATHAU	Vietnamese
16	NINH QUOC HOI	P1					80	KH-THAC	Vietnamese
17	DINH XUAN TOAN	P1	98-99,3000	3	15		60	T-TIN	Vietnamese
18	PHAM VAN HIEP	P1	97	1	11		79	PSV	Vietnamese
19	LE HONG MINH	P1	76	1	6		71	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN KHANH CHAN	P1				40	61	PSV	Vietnamese
21	PHAN SY HOAN	P1	75	1	8		66	PSV	Vietnamese
22	NG THI KIM TUYEN	P1	95-96	2	15		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	4	5	51	327	0	0		
2	P4	11	13	82	766	45	10		
3	P1	7	8	55	479	40	6		
TOTAL		22	26	188	1.572	85	16		
WEIGHT KG				188	1.572	85			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/05/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+BK3+RP3	7:25	18+0+3	0+0+0		13+0+9	0+0+0	* CHUYỂN 5 PPD-RP3. * CHUYỂN 1 PPD-BK3
2		TD2+P3+JS2	7:25	12+10+0	0+0+0		9+11+2	0+0+0	
3		RP2+BK4+TD2	9:25	11+0+8	0+0+0		5+0+13	0+0+0	CHUYỂN 4 PAX TỪ RP2-BK4.
4		TD1+P4+P7	9:25	3+18+0	0+0+0		0+17+4	0+0+0	
5		CLO+PPD+RP3	11:25	7+0+14	0+0+0		0+7+15	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/05/2019	TO: PPD - BK3 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - Luy	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO CHUNG KIEN	PPD	24	1	3		68	KHI	Vietnamese
2	HOANG MINH HIEU	PPD	700	1	6		72	KHI	Vietnamese
3	PHAM HAI QUANG	PPD	09	1	4		70	KHI	Vietnamese
4	BERNHIKOV V.N	PPD	10	1	8		90	KHI	Russian
5	KHARITONOV	PPD	14	1	5		75	KHI	Russian
6	NGUYEN CONG HIEN	PPD	15	1	3	100	65	KHI	Vietnamese
7	TRAN LE RANG	PPD	06	1	10		85	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN VU	PPD	02-03	2	10		70	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TA	PPD	08	1	3		68	KHI	Vietnamese
10	VU THANH BINH	PPD	16	1	4		75	KHI	Vietnamese
11	ĐO VAN THANH	PPD	07	1	4		80	KHI	Vietnamese
12	PHUNG VAN CHINH	PPD	12	1	4		70	KHI	Vietnamese
13	TRAN VAN THANH	PPD	05	1	6		70	KHI	Vietnamese
14	BUI THANH	PPD	04	1	5		70	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN ANH TAI	PPD	11	1	5		70	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN DUC HOA	PPD	01	1	3		60	KHI	Vietnamese
17	GALLIAMOV	PPD	13	1	6		75	KH-THAC	Russian
18	BUI TRUNG UYEN	PPD	17	1	5		75	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG TAM	RP3	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LAM TIEN PHI	RP3	78	1	5		80	KHI	Vietnamese
21	HO VAN LUONG	RP3	06	1	2		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	18	19	94	1.308	100	13	6	CHUYEN 05 PAX TU PPD SANG RP3, CHUYEN 01 PAX TU PPD SANG BK3
2	BK3	0	0	0	0	20	0		
3	RP3	3	3	12	220	0	9		
TOTAL		21	22	106	1.528	120	22		
WEIGHT KG				106	1.528	120			

GRAND TOAL: 1.754 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/05/2019	TO: TD2 - P3 - JS2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - CHIEN - THU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HAI	TD2	02	1	5	12	78	KHOAN	Vietnamese
2	LE MANH THANG	TD2	05	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	GROMOV S.A	TD2	07	1	10		85	KHOAN	Russian
4	TRUONG THANH TUNG	TD2	01	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN ANH TUAN	TD2					69	KHOAN	Vietnamese
6	BUI TRUNG THO	TD2					69	KHOAN	Vietnamese
7	LE ANH QUAN	TD2	06	1	2		81	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN THANH BINH	TD2	08	1	2		78	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM DINH THUYET	TD2	04	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN THANG	TD2	09	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
11	LE TRUONG LAM	TD2	03	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
12	DANG VAN DAO	TD2	10	1	5	28	60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN BA LUONG	P3				15	67	KHOAN	Vietnamese
14	BUI NGOC LAM	P3	77	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN QUOC TUAN	P3	75	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC TUAN	P3	71	1	9		84	KHOAN	Vietnamese
17	DO VAN PHAN	P3	76	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM VAN KHOAN*PK-PVD	P3	73	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG HAO	P3	88	1	6	107	88	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN QUYET TIEN	P3	74	1	4		84	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN CHAN	P3	01	1	2		57	KHOAN	Vietnamese
22	PHAN TUAN LONG	P3	72	1	6		62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	12	10	49	901	40	9		
2	P3	10	9	50	707	122	11		
3	JS2	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	19	99	1.608	162	22		
WEIGHT KG				99	1.608	162			

GRAND TOAL: 1.869 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/05/2019	TO: RP2 - BK4 - TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - Luy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN XUÂN TRƯỜNG	RP2	18-19	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese
2	HA VĂN NHIỆM	RP2	15	1	15		78	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THƯỜNG	RP2	16-17	2	15	50	72	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ VĂN ĐÔNG	RP2	24-25	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN SY	RP2	20-21	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN MINH TÂM	RP2	22-23	2	11		60	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐOÀN TIẾN LŨ	RP2	30	1	10		68	NIPI	Vietnamese
8	TRẦN CAO MÔNG	RP2	14	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
9	HỒ VĂN THẢO	RP2	13	1	3		70	GETRACO	Vietnamese
10	PHAN MẠNH LINH	RP2	26	1	3		70	GETRACO	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH GIAU	BK4	28	1	3		70	PSV	Vietnamese
12	LÊ HUY TUYẾN	TD2	20	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN LÂN	TD2	14	1	3		70	GETRACO	Vietnamese
14	BUI HUU TRI	TD2	15	1	5	50	55	GETRACO	Vietnamese
15	LÊ TUÂN VŨ	TD2	18	1	6		98	GETRACO	Vietnamese
16	TRẦN VĂN CHÍNH	TD2	19	1	3		50	GETRACO	Vietnamese
17	ĐÌNH EM	TD2	16	1	2		68	GETRACO	Vietnamese
18	TRẦN HỮU THƯỜNG	TD2	21	1	2		85	GETRACO	Vietnamese
19	PHAN VĂN HẬU	TD2	17	1	3		74	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	10	15	110	685	50	5	4	CHUYỂN 4 PAX TỪ RP2 SANG BK4
2	BK4	1	1	3	70	0	0		
3	TD2	8	8	29	555	50	13		
TOTAL		19	24	142	1.310	100	18		
WEIGHT KG				142	1.310	100			

GRAND TOAL: 1.552 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/05/2019	TO: TD1 - P4 - P7	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - CHIEN - THU	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DANG LAM	TD1	70	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
2	NGO DUY NGOC	TD1	71	1	12		64	KHOAN	Vietnamese
3	MAI TUAN KIET	TD1	72	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN HONG TAM	P4	11-13	3	20	55	61	KHI	Vietnamese
5	KOLECHNIH A	P4	19	1	14		100	KHI	Russian
6	TRUONG THANH GIAP	P4	23	1	5		75	KHI	Vietnamese
7	PHAM TRAI	P4	10	1	4		71	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN DANG TUAN	P4	17	1	8		71	KHI	Vietnamese
9	TA XUAN HIEU	P4	06	1	5		66	KHI	Vietnamese
10	PHAM DUC HIET	P4	18	1	2		76	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN MINH CANG	P4	20-21	2	18		72	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN VIET NGOC	P4	22	1	9		71	KHI	Vietnamese
13	VU DINH CUONG	P4	15	1	7	20	70	KHI	Vietnamese
14	PHAM MONG THANH	P4	08	1	4		71	KHI	Vietnamese
15	TA VAN QUYNH	P4					74	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TAI	P4	05	1	2		70	KHI	Vietnamese
17	PHAN DINH NHAM	P4	14	1	5		60	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG TRUONG	P4	09	1	2		78	KHI	Vietnamese
19	JOON REYES ILUSTRE	P4	25-26	2	16	25	78	KHI	Filipino
20	NGUYEN HUU LUAN	P4	92	1	5	35	70	KHI	Vietnamese
21	HUYNH TRUONG DAT	P4	27,73	2	11		61	KHI	Vietnamese
22	PHAM DUC TOAN LOC	P4	07	1	8		80	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	3	3	26	204	0	0		
2	P4	19	23	145	1.375	135	17		
3	P7	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	26	171	1.579	135	21		
WEIGHT KG				171	1.579	135			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/05/2019	TO: CLO - PPD - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Hạnh - LINH - Luy	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG UT	CLO	84-85	2	20	6	75	SCHLUM	Vietnamese
2	TÔNG VĂN THÈ	CLO	88	1	11		80	SCHLUM	Vietnamese
3	HARADHAN DAS	CLO	91-92	2	20		70	SCHLUM	Indian
4	PRANAVKUMAR PANDYA	CLO	93-94	2	20		72	SCHLUM	Indian
5	ĐOÀN BÙU TÂM	CLO	86	1	10		108	KHOAN	Vietnamese
6	DƯƠNG QUỐC VIỆT	CLO	87	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG KHÁC	CLO	89-90	2	13		64	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN VĂN SEN	RP3	83	1	5	40	75	KHI	Vietnamese
9	BUI VĂN HUNG	RP3	85	1	4		70	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG HOA	RP3	86	1	10		77	KHI	Vietnamese
11	PHẠM TRUNG DUNG	RP3	79	1	7		65	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN SANG	RP3	80	1	6		60	KHI	Vietnamese
13	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	89	1	4		72	KHI	Vietnamese
14	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	82	1	4		80	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	RP3	81	1	2		68	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH NAM	RP3	91-92	2	10		62	KHI	Vietnamese
17	PHẠM VĂN LẬP	RP3					56	KHI	Vietnamese
18	PHẠM BÌNH NAM	RP3	90	1	4		61	KHI	Vietnamese
19	LẠI VĂN MINH	RP3	84	1	3		62	KHI	Vietnamese
20	TÀ PHI KHANH	RP3					75	KHI	Vietnamese
21	HỒ NGỌC THANH	RP3	87-88	2	15		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	7	11	104	531	6	0		
2	PPD	0	0	0	0	0	7		
3	RP3	14	14	74	941	40	15		
TOTAL		21	25	178	1.472	46	22		
WEIGHT KG				178	1.472	46			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN